

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ -PT
Ngày: 21-01-2020
V/v “Tranh chấp HN&GD”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Các thẩm phán:

1. Bà Trương Thị Tuyền

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 “Tranh chấp HN&GD về nuôi con chung”.

Do Bản án sơ thẩm HNGĐ số: 84/ 2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXX-PT ngày 23 tháng 12 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Duy P, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp T, xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-10-2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh P tự nguyện chung sống từ năm 2015; đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Cuối năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, anh P ham chơi cờ bạc, chị có khuyên thì vợ chồng gây gổ, chị bị anh P đánh. Chị mang thai đứa con thứ hai được 02 tháng thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Bảo K, sinh ngày 12-6-2016 và Đặng Tuệ N, sinh ngày 09-6-2019 đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng đến đủ 18 tuổi. Anh P thường xuyên đi nước ngoài, đi làm hay đi chơi thì chị không biết vì chị đã ly thân; do đó anh P không có ở nhà để nuôi dạy con, không gần gũi con. Chị được biết anh P chuẩn bị đi Hàn Quốc thời hạn đến 05 năm. Hiện nay chị có tiệm spa, phun xăm thẩm mỹ tại ấp T và ấp N của xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; chị thu nhập mỗi tháng số tiền 50.000.000 đồng, nên chị có đủ điều kiện để nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Võ Duy P trình bày: Anh xác định lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn do từ năm 2018 đến nay, anh không làm ra tiền, chị T đuổi anh đi; nay anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Bảo K, sinh ngày 12-6-2016 và Đặng Tuệ N, sinh ngày 09-6-2019; anh yêu cầu được nuôi con chung Võ Bảo K, đồng ý giao con chung Đặng Tuệ N cho chị T nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi cháu N; anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu K.

Hiện nay anh có vừa trái cây thu mua nhãn, sầu riềng, xoài...; có làm vườn sầu riềng, vườn nhãn; thu nhập từ vừa trái cây mỗi tháng số tiền 100.000.000 đồng; thu nhập đối với vườn sầu riềng, vườn nhãn mỗi năm khoảng 300.000.000 đồng. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu K thường xuyên về sống bên gia đình nhà anh; ngày nào cháu K ngủ lại thì ngủ cùng anh; sáng anh đưa đón cháu K đi học; chi phí đi học, tiền sữa, ăn uống do anh chi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bản án sơ thẩm số: 84/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Ngọc T và anh Võ Duy P.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Võ Bảo K, sinh ngày 12-6-2016 và Đặng Tuệ N, sinh ngày 09-6-2019. Giao chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Võ Bảo K và Đặng Tuệ N. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng/02 con (1.000.000 đồng/con chung), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K, N đủ 18 tuổi.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019; anh P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Tây Ninh xem xét cho anh được quyền nuôi con chung Võ Bảo K; không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án về nuôi con chung. Chị T không rút đơn khởi kiện, có cung cấp chứng cứ mới gồm Hợp đồng góp hụi của chị T và Hợp đồng mua bảo hiểm. Anh P cung cấp chứng cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Hộ kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Anh P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xem xét điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của chị T và anh P; căn giao mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc một cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã tự nguyện thuận tình ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự thuận tình ly hôn là đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, phần quyết định này của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung liên quan đến kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T và anh P đều có yêu cầu được nuôi con chung; đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự. Đối với những tài liệu các đương sự cung cấp chưa chứng minh được nguồn thu nhập của mình.

[2.2] Tuy nhiên chị T trình bày, hiện nay chị đang quản lý 2 cơ sở spa tại 2 địa điểm xã Bàu Đồn và xã Phước Đông của huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Cháu Đặng Tuệ N đến nay ngoài 7 tháng tuổi, chị T phải nhờ đến người giúp việc phụ

trông nom, chăm sóc. Đối với cháu Võ Bảo K mỗi ngày chị T phải nhờ đến bà nội của cháu giúp chị đến trường đón cháu K về nhà bà nội cho ăn và tắm rửa; sau đó chị nhờ người đến đón về; đồng thời cháu K cũng thường xuyên ở nhà bên nội và ngủ với anh P. Như vậy chị T vừa kinh doanh vừa phải nuôi và chăm sóc 02 con nhỏ là chưa đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

[2.3]Chị T cho rằng anh P chuẩn bị đi Hàn Quốc đến 5 năm, không ở nhà để chăm sóc con nhưng không chứng minh được vấn đề này. Tại phiên tòa, anh P cho rằng nhiều lần anh đến trường đón cháu K nhưng chị T không cho; lời trình bày này chị T không phản đối; như vậy anh P đã có trách nhiệm đối với cháu K.

[2.4]Do đó chấp nhận kháng cáo của anh P; sửa quyết định về nuôi con chung của Bản án sơ thẩm; giao cho anh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Võ Bảo K; chị T được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Tuệ N; nên các bên không phải đóng góp tiền để cấp dưỡng nuôi con.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh chấp nhận kháng cáo của anh P và sửa bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; do bản án sơ thẩm bị sửa nên bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Võ Duy P; sửa Bản án sơ thẩm số: 84/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh về nuôi con chung.

2. Xác định chị Đặng Thị Ngọc T và anh Võ Duy P có 02 con chung tên Võ Bảo K, sinh ngày 12-6-2016 và Đặng Tuệ N, sinh ngày 09-6-2019.

Giao chị Đặng Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đặng Tuệ N sinh ngày 09-6-2019. Giao anh Võ Duy P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Võ Bảo K sinh ngày 12-6-2016; cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh P và chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 84/2019/HNGĐ-ST ngày

12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4.Ấn phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Võ Duy P không phải chịu. Hoàn trả cho anh Võ Duy P số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0003860 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADSH. huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu